

Số: 15 /2023/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày 20 tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán đối với
nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước
trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 2022/TTr-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khóa XIX, Kỳ họp thứ mười lăm (*Kỳ họp chuyên đề*) thông qua ngày 20 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2023./.

Nơi nhận

- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, KH và CN;
- Vụ pháp chế - Bộ KH và CN;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UB MTTQ tỉnh;
- Đoàn DBQH tỉnh;
- Các Ban, các Tổ, các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH và CN, Tư pháp, Tài chính;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, TH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Thanh Sơn



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ
có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định một số mức chi xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là *nhiệm vụ KH và CN*) cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Hà Nam.
- Các nội dung chi từ nguồn kinh phí đối ứng của tỉnh Hà Nam để triển khai thực hiện nhiệm vụ KH và CN cấp Quốc gia, cấp Bộ được thực hiện theo mức chi tương ứng quy định tại Quy định này.
- Những nội dung khác về định mức xây dựng, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ KH và CN không quy định trong Nghị quyết này được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý các nhiệm vụ KH và CN và pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH và CN và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH và CN có sử dụng ngân sách nhà nước;
- Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH và CN cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức xây dựng và phân bổ dự toán

Cơ quan quản lý nhiệm vụ KH và CN, các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH và CN căn cứ vào tính chất và nội dung nhiệm vụ KH và CN và nguồn kinh phí được bố trí để quyết định mức chi xây dựng dự toán quy định áp dụng đối với các nhiệm vụ KH và CN cấp tỉnh, cấp cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy định này.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH và CN được thực hiện theo Điều 3 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

Điều 5. Định mức xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chức danh thực hiện nhiệm vụ

Chức danh thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 3 Thông tư 02/2023/TT-BKHCN.

2. Hệ số lao động khoa học của các chức danh

Hệ số lao động khoa học của các chức danh được quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN

3. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ

a) Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ được lập theo nội dung, công việc nghiên cứu và theo chức danh (*đối với chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học*) hoặc nhóm chức danh (*đối với thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ*).

- Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ KH và CN được tính theo số tháng quy đổi thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ. Định mức chi thù lao cho chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ KH và CN cấp tỉnh tối đa không quá 32 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ KH và CN cấp tỉnh và định mức chi thù lao cho chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ KH và CN cấp cơ sở bằng 50% mức chi thù lao cho chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ KH và CN cấp tỉnh. Đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

- Trong trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN không đủ một tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của số ngày tham gia thực hiện nhiệm vụ của chức danh hoặc nhóm chức danh tương ứng. Mức thù lao ngày được tính trên cơ sở mức thù lao của một tháng chia cho 22 ngày.

b) Dự toán chi thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học; nhóm chức danh được tính theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN

4. Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (*nếu có*) được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

5. Mức thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu thuộc nhiệm vụ KH và CN cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

6. Dự toán chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được thực hiện theo khoản 3 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

7. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh Hà Nam Quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị, tiếp khách đối với các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Nghị quyết số 26/2019/NQ-

HĐND, ngày 12 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh Hà Nam Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Ngoài ra Quy định này quy định mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học đối với nhiệm vụ KH và CN cấp tỉnh, cấp cơ sở, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH và CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH và CN cấp cơ sở
1	Người chủ trì	buổi hội thảo	1.600	800
2	Thư ký hội thảo	buổi hội thảo	400	200
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	báo cáo	2.400	1.200
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	báo cáo	1.200	600
5	Thành viên tham gia hội thảo	thành viên/buổi	240	120

8. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo khoản 5 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

9. Mức chi hoạt động Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH và CN và Hội đồng tự đánh giá nghiệm thu mô hình (nếu có):

a) Đối với Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH và CN và Hội đồng tự đánh giá nghiệm thu mô hình cấp tỉnh: Bằng 50% mức chi cho Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KH và CN cấp tỉnh;

b) Đối với Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH và CN và Hội đồng tự đánh giá nghiệm thu mô hình cấp cơ sở: Bằng 50% mức chi cho Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KH và CN cấp cơ sở.

10. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH và CN:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH và CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH và CN, bao gồm: Chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH và CN tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH và CN của tổ chức chủ trì; các chi phí khác, cụ thể như sau:

a) Đối với nhiệm vụ KH và CN cấp tỉnh: Bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH và CN cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước, nhưng tối đa không quá 240 triệu đồng/nhiệm vụ.

b) Đối với nhiệm vụ KH và CN cấp cơ sở: Bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH và CN cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước, nhưng

tối đa không quá không quá 50% mức chi quy định đối với nhiệm vụ KH và CN cấp tỉnh.

11. Các khoản chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo khoản 8 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

Điều 6. Các nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Các nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo Điều 5 Thông tư số 03/2023/TT-BTC

Điều 7. Một số mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Mức chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi thù lao.

Mức chi Hội đồng KH và CN cấp tỉnh theo mức chi quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC, mức chi Hội đồng KH và CN cấp cơ sở bằng 50% Hội đồng KH và CN cấp tỉnh.

b) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán dựa trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật (nếu có)

2. Mức chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH và CN

a) Chi thù lao

Mức chi của tổ thẩm định kinh phí cấp tỉnh theo mức chi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC; mức chi tổ thẩm định kinh phí cấp cơ sở bằng 50% tổ thẩm định kinh phí cấp tỉnh.

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Mức chi thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập

Dự toán chi thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập theo khoản 1 Điều 8 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN tối đa 15.000.000 đồng.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH và CN; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thực hiện theo khoản 5 Điều 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

5. Dự toán chi Hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Quy định này.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 9. Điều khoản áp dụng

1. Các nội dung khác không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC và Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.
2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.

